

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2024/HC-PT

Ngày: 05-3- 2024

V/v: “*Khiếu kiện hủy Quyết định
hành chính trong quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Quang Dũng

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Mạnh Hùng

Bà Nguyễn Ngọc Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Chuyên- Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 05 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm, công khai vụ án hành chính thụ lý số 887/2023/TLPT-HC ngày 08 tháng 12 năm 2023 do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án số 02/2023/HC-ST ngày 11 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1609/2024/QĐ-PT ngày 20 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Dương Văn C, sinh năm 1978; Địa chỉ: T11B, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Dương Văn C: Ông Hoàng Văn H (Vắng mặt); ông Kiều Văn L (Có mặt) và ông Phạm Văn T (Có mặt), là Luật sư của Văn phòng Luật sư Hoàng H, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; Địa chỉ: Tòa nhà N, đường L, phường N, quận T, thành phố Hà Nội.

- Người bị kiện:

1. UBND thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

2. Chủ tịch UBND thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND thành phố B và Chủ tịch UBND thành phố B là ông Nguyễn Duy D; Chức vụ: Phó chủ tịch UBND thành phố B (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Vi Thị Y - Địa chỉ: T11B, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn (Vắng mặt).

2. Ban Bồi thường Giải phóng mặt bằng UBND thành phố B: Ông Nguyễn Hữu T – Trưởng ban Bồi thường giải phóng mặt bằng (Vắng mặt).

3. Phòng quản lý đô thị thành phố B. Đại diện theo ủy quyền là ông Trần Danh P – chức vụ: Phó trưởng phòng QLĐT (Vắng mặt).

4. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B: Ông Nông Đức T – Phó giám đốc phụ trách chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B, tỉnh Bắc Kạn (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, các lời khai và tại phiên toà, người khởi kiện ông Dương Văn C trình bày:

Năm 2012, ông Dương Văn C nhận chuyển nhượng 260m² đất, loại đất là đất trồng cây lâu năm (CLN) tại T11b, phường Đ, thành phố B với ông La Dương B. Năm 2013, gia đình ông C xây dựng nhà để ở, có xin cấp phép xây dựng và được UBND thị xã B (nay là thành phố B) cấp Giấy phép xây dựng số 08/GPXD ngày 08/01/2013, cùng thời điểm gia đình ông C xây dựng nhà trên phần đất này. Nhưng do gia đình ông La Dương B đang vướng thực hiện thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất cho em gái ông B nên chưa thực hiện được thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa gia đình ông La Dương B và gia đình ông Dương Văn C được. Đến năm 2017, gia đình ông Dương Văn C nhận được Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất số 2082/TB-CCT ngày 28/4/2017 và Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 2632/TB-CCT ngày 28/6/2017 của Chi cục thuế thành phố B. Ngày 07/7/2017, gia đình ông C đã đến Chi cục thuế thành phố B thực hiện nghĩa vụ tài chính theo hai thông báo trên. Tổng số tiền gia đình ông C đã nộp theo thông báo của cơ quan thuế gồm: Tiền lệ phí trước bạ theo Thông báo số 2082/TB-CCT ngày 28/4/2017 là 2.794.100^d; Tiền sử dụng đất (chuyển mục đích sử dụng đất diện tích 80m²) theo Thông báo số 2632/TB-CCT ngày 28/6/2017 là 23.000.000^d; Tiền sử dụng đất theo Thông báo số 391/TB-CCT ngày 07/4/2021 là 9.000.000^d; Tiền chậm nộp theo Thông báo số 385/TB-CCTKV ngày 07/4/2021 là 26.132.279^d.

Ngày 08/3/2019, gia đình ông C được cấp GCNQSDĐ số CR 046605 đối với thửa đất số 61, tờ bản đồ số 47 diện tích 260,0m² đất trồng cây lâu năm. Tuy nhiên, khi nhận được GCNQSDĐ thì ông C phát hiện ra đã thực hiện nghĩa vụ

tài chính về việc chuyển mục đích sử dụng đất đối với 80m² đất thổ cư nhưng trong GCNQSDĐ số CR 046605 ngày 08/3/2019 chỉ thể hiện quyền sử dụng đất đối với 260m² đất trồng cây lâu năm nên ông C đã đề nghị thu hồi GCNQSDĐ số CR 046605 cấp ngày 08/3/2019. Ngày 10/3/2021, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh B đã ban hành Quyết định số 127/QĐ-VPĐKĐĐ ngày 10/3/2021 thu hồi GCNQSDĐ số CR 046605 ngày 08/3/2019. Sau đó ông C nhận được Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 391/TB-CCT ngày 07/4/2021 để nộp bổ sung tiền chuyển mục đích sử dụng đất đối với diện tích 80m² đất thổ cư và Thông báo số 385/TB-CCTKV ngày 07/4/2021 thông báo tiền chậm nộp tiền sử dụng đất, tiền lệ phí trước bạ nhà, đất, tiền thuế TNCN đối với cá nhân chuyển nhượng bất động sản. Tất cả các nghĩa vụ tài chính đối với chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất, tiền phạt chậm nộp gia đình ông Dương Văn C đều đã thực hiện đầy đủ nhưng đến nay gia đình ông C vẫn chưa được cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất 260m², thửa đất số 61, tờ bản đồ số 47.

Khi Nhà nước thực hiện hạng mục “Nâng cấp đường từ T11B phường Đ đi Tổ 11 phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn thuộc dự án Chương trình miền núi phía Bắc, thị xã B giai đoạn II (2017-2020)” thì gia đình ông C bị thu hồi 92m² đất tại địa chỉ: T11B, phường Đ theo quyết định 1426/QĐ-UBND ngày 15/7/2020 về việc thu hồi đất đợt 9 và có thực hiện kiểm đếm, thống kê tài sản trên đất. Tại biên bản họp hội đồng bồi thường hỗ trợ tái định cư ngày 27/11/2019, gia đình ông C bị thu hồi 92m² đất (trong đó 80m² đất ở và 12m² đất trồng cây lâu năm) và phụ lục kèm theo biên bản ngày 28/11/2019 nên ông C không nhất trí với Quyết định số 1426/QĐ-UBND ngày 15/7/2020.

UBND thành phố B ban hành Quyết định 1427/QĐ-UBND ngày 15/7/2020 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB đợt 9, theo đó hộ gia đình ông C được bồi thường tổng số tiền là 2.760.000^d. Ông C không nhất trí với Quyết định số 1427/QĐ-UBND ngày 15/7/2020 vì tính giá trị đất và tài sản trên đất chưa đúng.

Tuy nhiên, gia đình ông C không nhận được quyết định, cũng không được thông báo về các quyết định này, đồng thời cũng khẳng định không có việc niêm yết công khai đối với các Quyết định nêu trên. Việc xác định thu hồi 92m² đất trồng cây lâu năm là không chính xác vì gia đình ông C đã thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với diện tích 80m² đất thổ cư. Ngoài ra trên đất bị thu hồi còn có công trình nhà ở, vật, kiến trúc nhưng không được bồi thường.

Đối với Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 về việc hủy giá trị bồi thường, hỗ trợ GPMB của ông Dương Văn C đã phê duyệt tại Quyết định 1427/QĐ-UBND ngày 15/6/2020 của UBND thành phố B và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB đợt 16 hạng mục Nâng cấp đường từ T11B

phường Đ đi T11 phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn thuộc dự án Chương trình đô thị miền núi phía Bắc, thị xã B giai đoạn II (2017-2020) và Quyết định số 73/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 về việc hủy thu hồi đất của ông Dương Văn C tại Quyết định số 1426/QĐ-UBND ngày 15/7/2020 của UBND thành phố và thu hồi đất đợt 16 để sử dụng vào mục đích xây dựng hạng mục Nâng cấp đường từ T11B phường Đ đi T11 phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn thuộc dự án Chương trình đô thị miền núi phía Bắc, thị xã B giai đoạn II (2017-2020) thì ông C có nhận được giấy mời đến Ban bồi thường giải phóng mặt bằng để nhận tiền, khi ông C đến Ban bồi thường GPMB mới nhận được Quyết định số 72/QĐ-UBND còn Quyết định số 73/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 đến thời điểm này ông C vẫn chưa nhận được.

Đối với Quyết định 834/QĐ-UBND ngày 4/5/2022 của UBND thành phố B v/v cưỡng chế thu hồi đất đối với gia đình ông Dương Văn C thì ông C có nhận được Quyết định này và có biên bản bàn giao của UBND phường Đ. Ông C không nhất trí với các quyết định thu hồi đất và giá trị đất, tài sản bồi thường giải phóng mặt bằng nên không nhất trí với quyết định cưỡng chế thu hồi đất.

Trong quá trình giải quyết vụ án và qua kết quả xem xét thẩm định thì ông C thấy diện tích đất thu hồi lớn hơn diện tích đất thu hồi 49,1m² và các điểm tọa độ thu hồi theo phương thẳng đứng chiếm vào kết cấu ban công tầng 1, sàn tầng 1 và mái bê tông cốt thép tầng 2 nhà ở của gia đình ông C nhưng không được bồi thường hỗ trợ.

Tại phiên tòa ông C xác định về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành các quyết định mà ông C khởi kiện đều được ban hành đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền. Nhưng nội dung của các quyết định hành chính khởi kiện không đúng về việc xác định loại đất thu hồi dẫn đến xác định giá trị tài sản bồi thường cũng không đúng vì vậy ông C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử :

- Hủy Quyết định 834/QĐ-UBND ngày 4/5/2022 của UBND thành phố B v/v cưỡng chế thu hồi đất đối với gia đình ông Dương Văn C.

- Hủy Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 của UBND thành phố B.

- Hủy Quyết định số 73/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 của UBND thành phố B.

- Hủy một phần Quyết định số 1426/QĐ-UBND ngày 15/7/2020 của UBND thành phố B. (Hủy phần liên quan đến việc thu hồi đất của hộ ông Dương Văn C).

- Hủy một phần Quyết định số 1427/QĐ-UBND ngày 15/7/2020 của UBND thành phố B. (Hủy phần liên quan đến việc thu hồi đất của hộ ông Dương Văn C).

2. Người đại diện theo ủy quyền của Người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố B và UBND thành phố B, ông Nguyễn Duy D trình bày:

Năm 2012 ông Dương Văn C nhận chuyển nhượng 260m² đất trồng cây lâu năm (CLN) tại T11b, phường Đ, thành phố B với ông La Dương B. Năm 2013 gia đình ông C xây dựng nhà để ở, có xin cấp phép xây dựng và được UBND thị xã B (nay là thành phố B) cấp Giấy phép xây dựng số 08/GPXD ngày 08/01/2013, trên Giấy phép xây dựng ghi rõ vị trí xây dựng tại thửa đất số 365, tờ bản đồ số 16 (BĐĐC) diện tích 260m² (đất LNQ đang lập thủ tục chuyển quyền và mục đích sử dụng đất). Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cấp phép xây dựng nhà ở ngày 22/11/2012 của ông Dương Văn C được Văn phòng đăng ký QSDĐ thị xã xác nhận; lô đất ở T11B, phường Đ. Tuy nhiên từ năm 2012 đến thời điểm hiện nay thì gia đình ông Dương Văn C chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất này để có cơ sở xác định ông C có đất ở khi thu hồi đất, giải phóng mặt bằng.

Căn cứ Quyết định số 1721/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng dự án Chương trình đô thị miền núi phía Bắc – thị xã B giai đoạn II (2017-2020). Ngày 24/12/2018, UBND thành phố B ban hành Thông báo số 140/TB-UBND về việc triển khai công tác bồi thường giải phóng mặt bằng xây dựng hạng mục Nâng cấp đường từ T11B phường Đ đi T11 phường P thành phố B, tỉnh Bắc Kạn thuộc Dự án Chương trình đô thị miền núi phía Bắc thị xã B giai đoạn II. Ngày 28/12/2018 ban hành Thông báo số 146/TB-UBND thông báo thu hồi đất để thực hiện hạng mục Nâng cấp đường từ T11B phường Đ đi T11 phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn thuộc dự án Chương trình đô thị miền núi phía Bắc, thị xã (nay là thành phố) B giai đoạn II, kèm theo giấy mời họp triển khai công tác bồi thường GPMB Hạng mục Nâng cấp đường từ Tổ 11B phường Đ đi T11 phường P thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn thuộc Dự án Chương trình đô thị miền núi phía Bắc thị xã B giai đoạn II và danh sách gửi đến các hộ gia đình có đất nằm trong chỉ giới giải phóng mặt bằng, trong đó có hộ gia đình ông Dương Văn C - T11B phường Đ (số thứ tự 42) và có thực hiện niêm yết công khai Thông báo thu hồi đất tại nhà văn hóa T11B, phường Đ và trụ sở UBND phường Đ.

Sau khi có thông báo thu hồi đất, tổ công tác bồi thường giải phóng mặt bằng tiến hành họp triển khai công tác giải phóng mặt bằng và tiến hành thống kê, kiểm đếm tài sản đến các hộ gia đình có đất thu hồi. Thực hiện thống kê kiểm đếm đối với hộ gia đình ông C vào ngày 12/5/2019 có biên bản thống kê

kèm theo thì diện tích đất thu hồi của hộ gia đình ông C là 92m^2 , loại đất CLN, tờ bản đồ số 4, số thửa 16 và danh sách thống kê, kiểm đếm về nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt kèm theo, ông C nhất trí và ký vào biên bản. Tại thời điểm thống kê thì ông C cung cấp đơn xin cấp GCNQSDĐ và các tài liệu chứng nhận tài sản trên đất, trên cơ sở Giấy phép xây dựng ông C được cấp đối với diện tích xây dựng nhà ở thì tổng diện tích sàn là $158,5\text{m}^2$, trong Giấy phép xây dựng cũng thể hiện nhà ở được xây dựng trên tổng diện tích 260m^2 đất trồng cây lâu năm đang làm thủ tục chuyển quyền và chuyển mục đích sử dụng đất. Trên cơ sở các tài liệu ông C cung cấp tại buổi thống kê thì cơ quan chuyên môn đã lập dự thảo phương án bồi thường để họp hội đồng bồi thường và công khai dự thảo bồi thường vào các ngày 27, 28/11/2019. Căn cứ vào các tài liệu ông C cung cấp thì xác định phần diện tích đất của gia đình ông C bị thu hồi là 80m^2 đất ở và 12m^2 đất trồng cây lâu năm. Về phương án bồi thường thì đối với phần tài sản nằm trên diện tích 80m^2 đất ở thì được bồi thường 100%, phần tài sản còn lại nằm trên diện tích đất vườn thì áp dụng tính 60% đơn giá theo văn bản số 5637/UBND-KTTCKT ngày 09/10/2019 của UBND tỉnh Bắc Kạn. Tổng giá trị dự thảo phương án bồi thường là $1.375.154.310^d$ (bao gồm bồi thường về đất và tài sản trên đất).

Gia đình ông C nhất trí về chủ trương thu hồi, nhưng chưa nhất trí với mức bồi thường, hỗ trợ 60% đối với phần tài sản trên diện tích đất vườn và một số đơn giá của các hạng mục công trình. Hội đồng bồi thường đã đề nghị ông C cung cấp đầy đủ các tài liệu, chứng cứ liên quan đến quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản để làm căn cứ phê duyệt phương án bồi thường.

Đến ngày 18/5/2020 ông C cung cấp GCNQSDĐ thể hiện toàn bộ diện tích 260m^2 mà ông C được cấp GCNQSDĐ loại đất là đất trồng cây lâu năm (không có đất thổ cư), chính vì vậy mà căn cứ vào hồ sơ ông C cung cấp thì Ban bồi thường giải phóng mặt bằng đã lập phương án bồi thường hỗ trợ thì xác định toàn bộ tài sản trên đất trồng cây lâu năm trong GCNQSDĐ của ông C chỉ được hỗ trợ tài sản với mức bồi thường là 60% theo quy định. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ cả đất và tài sản trên đất là $957.858.608^d$.

Ngày 15/7/2020, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 1426/QĐ-UBND v/v thu hồi đất đợt 9 để sử dụng vào mục đích xây dựng hạng mục Nâng cấp đường từ T11B phường Đ đi T11 phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn thuộc dự án Chương trình đô thị miền núi phía Bắc, thị xã B giai đoạn II (2017-2020) đối với hộ gia đình ông Dương Văn C và hộ bà Đoàn Thanh L. Trong đó hộ ông Dương Văn C bị thu hồi diện tích 92m^2 đất trồng cây lâu năm (CLN).

Tại Quyết định số 1427/QĐ-UBND ngày 15/7/2020 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB đợt 9 hạng mục

Nâng cấp đường từ T11B phường Đ đi tới 11 phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn thuộc dự án Chương trình đô thị miền núi phía Bắc, thị xã B giai đoạn II (2017-2020) phê duyệt phương án bồi thường đối với hai hộ là hộ bà Đoàn Thanh L và hộ ông Dương Văn C. Gia đình ông C được bồi thường đối với phần đất là 2.760.000^d (đất trồng cây lâu năm). Riêng phần tài sản tạm thời để lại xem xét sau với lý do nguồn gốc hình thành tài sản cần được xác minh thêm.

Sau khi UBND thành phố B ban hành 02 Quyết định nêu trên thì ông C có ý kiến không nhất trí với phương án bồi thường về đất và tài sản trên đất, do đó UBND thành phố B đã giao cho phòng chuyên môn thực hiện thông báo cho ông C đến để họp bàn thống nhất phương án giải quyết. Tuy nhiên ông C không đến dự họp nên không thông qua được phương án giải quyết. Sau đó ông C có đơn đề nghị thu hồi toàn bộ diện tích đất 260m² và tài sản gắn liền trên đất; cấp đất tái định cư đúng bằng diện tích thực tế của gia đình và xây dựng lại nhà ở đúng hiện trạng như nhà ông C đang ở cho ông C.

Sau nhiều lần mời ông C đến để bàn phương án giải quyết nhưng không thành nên UBND thành phố B tổ chức cuộc họp và thông báo ông C đến giải quyết với nội dung là điều chỉnh diện tích đất thu hồi của gia đình ông C là 49,1m² thì ông C không nhất trí. UBND thành phố đã họp và thống nhất phương án là thu hồi 49,1m² như đã nội dung đã thông báo lại với ông C.

Ngày 16/7/2021, Ban bồi thường giải phóng mặt bằng phối hợp với các cơ quan chuyên môn xuống thực địa vị trí đất thu hồi của gia đình ông C để kiểm tra lại phần tài sản nhưng gia đình ông C không có mặt, các thành phần tham dự đã thống nhất lập dự thảo phương án bồi thường đối với diện tích đất thu hồi của gia đình ông C là 49,1m², tiến hành niêm yết công khai dự thảo tại nhà văn hóa T11B phường Đ và trụ sở UBND phường Đ nơi ông C cư trú. Sau khi kết thúc niêm yết thì đến ngày 06/8/2021 Ban bồi thường giải phóng mặt bằng mới trình thẩm định phương án bồi thường hỗ trợ đối với tài sản và diện tích thu hồi 49,1m².

Ngày 10/9/2021 UBND thành phố B mời ông C đến làm việc để xác định khối lượng tài sản, diện tích đất bị thu hồi, ông C có tham gia buổi làm việc nhưng không ký biên bản vì không nhất trí với điều chỉnh chỉ giới thu hồi 49,1m² như phương án đã nêu.

Ngày 14/9/2021, UBND thành phố B cùng cơ quan chuyên môn đã có mặt tại nhà ông C, ông C có mặt và có ý kiến toàn bộ tài sản đã được thống kê ngày 12/5/2019 tuy nhiên ông C đề nghị xem xét, xác định các tài sản thống kê còn thiếu theo biên bản ngày 12/5/2019. Kết quả là ông C vẫn không nhất trí với nội dung buổi làm việc.

Các cơ quan có thẩm quyền thực hiện thẩm định và phê duyệt phương án bồi thường và đến ngày 19/01/2022 UBND thành phố B ban hành Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 về việc hủy giá trị bồi thường hỗ trợ GPMB của ông Dương Văn C đã phê duyệt tại Quyết định 1427/QĐ-UBND ngày 15/7/2020 của UBND thành phố B và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB đợt 16 hạng mục Nâng cấp đường từ T11B phường Đ đi T11 phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn thuộc dự án Chương trình đô thị miền núi phía Bắc, thị xã B giai đoạn II (2017-2020) và Quyết định số 73/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 về việc hủy thu hồi đất của ông Dương Văn C tại Quyết định số 1426/QĐ-UBND ngày 15/7/2020 của UBND thành phố và thu hồi đất đợt 16 để sử dụng vào mục đích xây dựng hạng mục Nâng cấp đường từ T11B phường Đ đi T11 phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn thuộc dự án Chương trình đô thị miền núi phía Bắc, thị xã B giai đoạn II (2017-2020).

Sau khi ban hành hai Quyết định số 72/QĐ-UBND và Quyết định số 73/QĐ-UBND thì UBND thành phố B ban hành Quyết định số 75/QĐ-UBND ngày 20/01/2022 v/v sửa đổi, bổ sung một phần Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 và Quyết định số 73/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 với nội dung: thêm chữ “nếu có” tại Quyết định số 72 và sửa: “UBND phường P có trách nhiệm giao quyết định” thành “UBND phường Đ có trách nhiệm giao quyết định”; “Giao ban quản lý dự án phối hợp với phường P” thành “Giao ban quản lý dự án phối hợp với phường Đ”. Tuy nhiên, những nội dung sửa đổi, bổ sung này không ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích của gia đình ông C.

Sau khi ban hành Quyết định số 72/QĐ-UBND và Quyết định số 73/QĐ-UBND thì Ban bồi thường giải phóng mặt bằng đã thực hiện việc niêm yết công khai theo quy định và có thông báo trực tiếp cho hộ gia đình ông C. Ngày 21/01/2022 và ngày 17/02/2022 ông C có đến Ban giải phóng mặt bằng thành phố có ý kiến thắc mắc và không nhất trí nhận tiền và ông C đưa ra 03 yêu cầu: Phương án 1: nếu thực hiện theo quyết định số 73/QĐ-UBND thì UBND thành phố phải bồi thường toàn bộ tài sản cho gia đình ông; Phương án 2: nếu giữ nguyên diện tích thu hồi thì phải hỗ trợ chênh cao, chênh thấp và cho gia đình ông mượn đất lưu không của Nhà nước để ông C cải tạo sửa chữa thành nhà để xe của gia đình và phải bồi thường diện tích 49,1m² bị thu hồi theo giá đất ở mới nhất theo giá đất UBND tỉnh mới ban hành. Ban bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố đã giao 02 quyết định trên cho ông C và lập biên bản để báo cáo cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật. Ông C phải nhận được, biết được Quyết định số 72/QĐ-UBND và Quyết định số 73/QĐ-UBND nên ông C mới có ý kiến liên quan đến nội dung của 02 quyết định này vì vậy

khẳng định là ông C có nhận được, có biết nội dung liên quan đến 02 quyết định này.

Ngày 07/3/2022, Ban bồi thường giải phóng mặt bằng phối hợp với UBND phường Đ để tuyên truyền vận động ông C đến nhận tiền, ông C có đến tham dự buổi làm việc nhưng không nhất trí nhận tiền và có ý kiến đề nghị xem xét bồi thường về tài sản với lý do là chỉ giới thu hồi cách tường 60cm đã ảnh hưởng đến phần mái tầng 2 của nhà ông C theo phương thẳng đứng và vẫn giữ nguyên yêu cầu phải bồi thường diện tích 49,1m² bị thu hồi theo giá đất ở mới nhất theo giá đất UBND tỉnh Bắc Kạn mới ban hành.

Ngày 24/3/2022, UBND thành phố giao UBND phường Đ chủ trì họp tại UBND phường Đ, tại buổi làm việc ông C có mặt nhưng cũng không nhất trí nhận tiền và có đề nghị xác định rõ chỉ giới thu hồi.

Ngày 01/4/2022, UBND thành phố giao Ban quản lý dự án cùng cơ quan chuyên môn thực hiện kiểm tra xác minh thực địa, tại buổi làm việc này ông C có mặt, cơ quan chuyên môn đã xác định chỉ giới thu hồi đất theo quyết định số 73/QĐ-UBND cho ông C được biết. Ông C không nhất trí với kết quả xác minh thực địa ngày 01/4/2022.

Từ các căn cứ trên xác định việc ban hành các Quyết định 1426/QĐ-UBND ngày 15/7/2020 của UBND thành phố B và Quyết định 1427/QĐ-UBND ngày 15/7/2020 của UBND thành phố B, Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 về việc hủy giá trị bồi thường, hỗ trợ GPMB của ông Dương Văn C đã phê duyệt tại Quyết định 1427/QĐ-UBND ngày 15/6/2020 của UBND thành phố B; Quyết định số 73/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 của UBND thành phố về việc hủy thu hồi đất của ông Dương Văn C tại Quyết định số 1426/QĐ-UBND ngày 15/7/2020 của UBND thành phố và thu hồi đất đợt 16 để sử dụng vào mục đích xây dựng hạng mục Nâng cấp đường từ T11B phường Đ đi T11 phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn thuộc dự án Chương trình đô thị miền núi phía Bắc, thị xã B giai đoạn II (2017-2020) của UBND thành phố B là hoàn toàn đúng trình tự theo quy định của pháp luật

Ngày 04/5/2022, UBND thành phố ban hành Quyết định 834/QĐ-UBND ngày 4/5/2022 của UBND thành phố B v/v cưỡng chế thu hồi đất đối với gia đình ông Dương Văn C và Quyết định số 840/QĐ-UBND ngày 4/5/2022 v/v thành lập ban cưỡng chế. Ban cưỡng chế đã thực hiện việc niêm yết công khai quyết định trên theo đúng quy định và thông báo tổ chức họp vận động nhưng ông C không phối hợp thực hiện. Chính vì vậy để ban hành được Quyết định 834/QĐ-UBND ngày 4/5/2022 của UBND thành phố B v/v cưỡng chế thu hồi đất đối với gia đình ông Dương Văn C thì UBND thành phố đã thực hiện đầy đủ các trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Việc xây dựng hạng mục Nâng cấp đường từ T11B phường Đ đi T11 phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn thuộc dự án Chương trình đô thị miền núi phía Bắc, thị xã B giai đoạn II (2017-2020) là chủ trương của tỉnh Bắc Kạn nhằm mục đích phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Để thực hiện được dự án này thì phải thu hồi đất, giải phóng mặt bằng của 170 hộ dân dọc tuyến đường, trong đó 169 hộ gia đình đều nhất trí, chỉ duy nhất hộ gia đình ông Dương Văn C không nhất trí với việc thu hồi đất, giải phóng mặt bằng. Khi thu hồi đất, giải phóng mặt bằng thì UBND thành phố đã thực hiện đầy đủ các trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Do đó, UBND thành phố B giữ nguyên quan điểm không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn C, đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn C.

*** Đại diện của Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố B trình bày ý kiến thống nhất với ý kiến của người bị kiện.**

*** Đại diện của Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phòng quản lý đô thị thành phố B trình bày ý kiến:**

Năm 2013 ông Dương Văn C có làm thủ tục xin cấp phép xây dựng nhà ở. Về thủ tục cấp giấy phép xây dựng nhà ở thuộc lĩnh vực xây dựng - Quản lý đô thị được thực hiện theo bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn theo quy định tại Quyết định số 2574/QĐ-UBND ngày 19/8/2009 UBND tỉnh Bắc Kạn. Thủ tục xin cấp giấy phép theo quy định gồm các tài liệu sau: Đơn xin phép xây dựng (*Mẫu do Phòng quản lý đô thị cấp*); hồ sơ thiết kế nhà ở; các giấy tờ liên quan đến quyền sử dụng đất (Giấy CNQSDĐ (*photo công chứng*), Quyết định giao đất của cơ quan có thẩm quyền, giấy xác nhận nguồn gốc đất có cán bộ địa chính và lãnh đạo chính quyền cấp xác nhận). Trong đó, quy định cụ thể hồ sơ về đất đai như sau: “*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (photo công chứng); trường hợp không có giấy CNQSDĐ phải có giấy xác nhận nguồn gốc đất có cán bộ địa chính và lãnh đạo chính quyền cấp xác nhận*”.

Đối với hồ sơ xin cấp phép xây dựng ông C nộp gồm có: Đơn xin cấp phép xây dựng; Bản vẽ thiết kế nhà 1 tầng + tum; Về hồ sơ đất ông C đang làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất và có đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại thửa đất số 365, tờ bản 16, diện tích là 260m² được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã xác nhận ngày 22/12/2012 (lô đất này nay là lô đất số 61, tờ bản đồ số 47) địa chỉ lô đất tại T11B, phường Đ, thành phố B. Từ những tài liệu ông Dương Văn C làm thủ tục cấp Giấy phép xây dựng, nộp tại phòng Quản lý đô thị thị xã B đã tiếp nhận và giao cho ông Nông Văn H là công chức phụ trách địa bàn tiến hành kiểm tra

tính pháp lý của hồ sơ, tiến hành kiểm tra, xem xét tại thực địa, định vị xây dựng. Trên cơ sở biên bản định vị xây dựng ngày 07/01/2013 và hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép xây dựng, công chức ông Nông Văn H tham mưu trình UBND thị xã B cấp Giấy phép xây dựng số 08/GPXD ngày 08/01/2013 cho ông Dương Văn C với diện tích xây dựng là $150,5\text{m}^2$; tổng diện tích sàn là $158,3\text{m}^2$ với quy mô là nhà 1 tầng + tum, chiều cao công trình là 6,35m, trong khoảng không từ độ cao 4,2m (so với nền nhà) trở lên được cấp phép nhô ra làm (ô văng, sê nô, ban công) trực giáp đường dân sinh là 1,2m, các trục khác không được phép nhô ra.

Thời điểm cấp Giấy phép xây dựng nhà ở cho ông C thì loại đất của ông C chưa phải là đất ở đô thị. Căn cứ vào hồ sơ đất ông C đang làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất và có đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại thửa đất số 365, tờ bản 16, diện tích là 260m^2 địa chỉ lô đất tại T11B, phường Đ được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã B xác nhận ngày 22/12/2012. Trên cơ sở hồ sơ xin cấp giấy phép xây dựng ông Nông Văn H lập hồ sơ cấp giấy phép xây dựng trình UBND thị xã B phê duyệt và cấp Giấy phép xây dựng cho ông C. Tuy nhiên, ông Dương Văn C không thực hiện đúng cam kết về việc hoàn thiện các thủ tục về đất đai như chuyển quyền sử dụng đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định.

Ngôi nhà đang ở hiện nay của gia đình ông C xây dựng không đúng so với Giấy phép xây dựng số 08/GPXD được UBND thị xã B cấp ngày 08/01/2013 cho ông Dương Văn C. Các nội dung sai so với giấy phép xây dựng số 08/GPXD, ngày 08/01/2013 bao gồm: sai về vị trí xây dựng, diện tích xây dựng, số tầng (hiện nay ông C xây dựng thêm tầng 2), chiều cao nhà, khoảng đua.

Qua xem xét thẩm định, hiện trạng nhà ở của ông Dương Văn C so với giấy phép xây dựng số 08/GPXD, ngày 08/01/2013 như sau:

- + Quy mô: Nhà ở 02 tầng (sai với giấy phép được cấp 01 tầng).
- + Diện tích xây dựng tầng 1 là $165,7\text{m}^2$, tổng diện tích sàn cả 2 tầng là $266,3\text{m}^2$ (sai với giấy phép cấp $108,0\text{m}^2$).
- + Chiều cao công trình đến đỉnh mái: khoảng 9,1m (sai với giấy phép cấp)
- + Phần đua tầng 01 là 0,7m ở độ cao 3,9m tính từ cos 0.00 (sai với giấy phép cấp; từ mép tường ở độ cao 4,2m (so với nền nhà) trở lên được phép nhô ra làm ô văng, sê nô, ban công)
- + Phần mái dốc bê tông cốt thép tầng 2 đua ra cách tường nhà phía trước điểm 8 đến điểm 9 là 1,4m và điểm 7 đến điểm 8 (góc cua) là 1,8m (không được cấp trong giấy phép xây dựng)

Đối với kết cấu, tầng 2 của ngôi nhà xây dựng trái phép, không được cấp giấy phép xây dựng. Phần mái bê tông tầng 2 của ngôi nhà đua ra vượt qua chỉ giới xây dựng được cấp phép (*căn cứ để xác định phần mái đua ra so với chỉ giới xây dựng được cấp phép là căn cứ vào trích lục bản đồ trích đo địa chính ngày 19/01/2022 và biên bản kiểm tra chỉ giới đất thu hồi giải phóng mặt bằng so với hiện trạng nhà ở đối với hộ gia đình ông Dương Văn C, ngày 01/4/2022*). Từ điểm 8 đến điểm 9 phần mái đua ra 1,4m so với tường, sai so với chỉ giới xây dựng được cấp là 0,2m; khoảng giữa điểm 7 đến điểm 8 phần mái bê tông tầng 2 đua ra 1,8m so với tường, Căn cứ vào các nội dung nêu trên, xác định việc xây dựng này là sai do không được cấp phép xây dựng, về khoảng đua vượt so với chỉ giới xây dựng.

Việc thu hồi đất thực hiện thi công công trình đường từ T11B phường Đ đi T11 phường P thành phố B, thuộc Dự án Chương trình đô thị miền núi phía Bắc - thị xã B giai đoạn II (2017-2020) được UBND thành phố thực hiện đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Chỉ giới đất thu hồi giải phóng mặt bằng theo Quyết định thu hồi đất số 73/QĐ-UBND ngày 19/01/2020 của UBND thành phố B, cách tường móng nhà điểm gần nhất là 0,6m. Hiện nay, phần hè đường từ T11B phường Đ đi T11 phường P, thành phố B đã thi công hoàn thiện và có khoảng cách từ mép ngoài của hè đường đến tường nhà ở của ông Dương Văn C vị trí gần nhất là 1,1m; phần hè đường phía trước nhà ở của ông C chỉ có đường dây điện chiếu sáng được bố trí đi ngầm trong hè đường, nên không ảnh hưởng đến toàn bộ kết cấu nhà ở và phần mái bê tông đua hiện tại của gia đình ông Dương Văn C.

Toàn bộ hồ sơ xin cấp phép xây dựng của gia đình ông Dương Văn C thì trong quá trình di chuyển trụ sở làm việc, kho lưu trữ bị thiên tai ngập nước nên toàn bộ hồ sơ đã bị hư hỏng. Đối với hồ sơ xin cấp phép xây dựng do gia đình ông Dương Văn C cung cấp thì bản vẽ thiết kế không đúng với bản vẽ thiết kế xin cấp phép xây dựng, mẫu đơn xin cấp phép xây dựng cũng không đúng với mẫu đơn của Phòng quản lý đô thị cung cấp vào thời điểm đó. Đồng thời Phòng quản lý đô thị thành phố B cung cấp một số mẫu đơn xin cấp phép xây dựng cùng thời điểm để làm chứng cứ.

*** Đại diện của Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B trình bày:**

Về hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Dương Văn C và ông La Dương B thì tại thời điểm thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã (nay là chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B) xuống kiểm tra thực địa thì thấy hộ ông C đã đào móng xây dựng nhà trên đất nên đã kiểm tra thực địa xác định diện tích

đang xây dựng là $80m^2$, xây nhà trên đất nông nghiệp, do đó Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã B đã xác định phạm vi xây dựng nhà ở phải truy thu nghĩa vụ tài chính, chuyển mục đích sử dụng đất là $80m^2$. Trên cơ sở đó đã có phiếu chuyển thông tin địa chính kèm hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất gửi đến Chi cục thuế thị xã B để gia đình ông C thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước, hoàn thành thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất và cấp GCNQSDĐ. Nhưng sau khi có phiếu chuyển thông tin địa chính sang Chi cục thuế để gia đình ông C thực hiện nghĩa vụ tài chính thì gia đình ông C lại không thực hiện. Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất đã nhiều lần liên lạc để nhắc ông C thực hiện nghĩa vụ tài chính nhưng gia đình không thực hiện nghĩa vụ tài chính nên hồ sơ chưa có cơ sở giải quyết theo quy định. Khoảng hơn 3 năm sau khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông C, thì gia đình ông B (người chuyển nhượng) kiến nghị cần sử dụng đến giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất đã thông báo trả hồ sơ cho gia đình.

Đến năm 2017, gia đình ông C tự thực hiện nghĩa vụ tài chính và nộp biên lai bản phô tô cho Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B, tuy nhiên do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B đã thông báo trả hồ sơ chuyển quyền sử dụng đất giữa ông La Dương B với ông Dương Văn C cho gia đình và thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thay đổi, mặt khác không có Giấy chứng nhận gốc kèm theo nên không có cơ sở để tiếp nhận lại hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận của gia đình ông Dương Văn C.

Đến năm 2019, gia đình ông C nộp đầy đủ hồ sơ và bản phô tô biên lai thuế cùng hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B. Sau khi tiếp nhận thì Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai cử cán bộ tiến hành kiểm tra thực địa đo đạc lại hiện trạng sử dụng đất cho thấy hiện trạng nhà ở của gia đình ông C đã xây dựng trên phần đất đề nghị thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất với diện tích $158,3m^2$ (có cấp phép xây dựng), tăng $78,3m^2$ so với diện tích được chuyển mục đích sử dụng đất.

Do hồ sơ còn có nhiều vướng mắc nên Chi nhánh văn phòng đất đai đã có giấy mời số 01/GM-VPĐK ngày 14/2/2019 để tiến hành họp giải quyết những vướng mắc và thống nhất trình tự cấp giấy cho ông C là cấp đất trồng cây lâu năm, sau đó ông C sẽ làm hồ sơ chuyển mục đích quyền sử dụng đất theo quy định, về nghĩa vụ tài chính đối với phần diện tích tăng thì sẽ thu bổ sung. Sau đó, ông Dương Văn C và bà Vi Thị Y đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Kạn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 046605, thửa đất số 61, tờ bản đồ số 47, diện tích $260m^2$ đất trồng cây lâu năm ngày 08/3/2019.

Đến năm 2020, ông Dương Văn C có đơn đề nghị thu hồi GCNQSDĐ đã được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bắc Kạn ban hành quyết định số 127/QĐ-VPDDKĐĐ ngày 10/3/2020 đã thu hồi GCNQSDĐ của gia đình ông Dương Văn C với lý do gia đình ông C đề nghị thu hồi GCNQSDĐ vì trong GCNQSDĐ đã cấp không có diện tích đất thổ cư trong khi gia đình ông C đã thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với việc chuyển mục đích sử dụng đất diện tích 80m² đất thổ cư trong tổng diện tích 260m².

Xác định đến thời điểm này toàn bộ diện tích 260m² đất tại lô số 61, tờ bản đồ số 47, địa chỉ thửa đất tại T11B, phường Đ, thành phố B của gia đình ông C chưa được cấp GCNQSDĐ vì đã thu hồi GCNQSDĐ. Hiện trạng đến nay toàn bộ diện tích đất này của gia đình ông Dương Văn C là đất trồng cây lâu năm, chưa có đất thổ cư.

*** *Tại biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vy Thị Y trình bày:***

Bà Y là vợ của ông Dương Văn C, những yêu cầu khởi kiện của ông C thì bà Y không nắm được cụ thể, cũng như việc thu hồi đất hay bồi thường về phần tài sản thì bà Y cũng không nắm được gì, ông C là người toàn quyền quyết định đối với việc khởi kiện tại Tòa án, bà Y không có ý kiến gì.

Tại Bản án số 02/2023/HC-ST ngày 11/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã quyết định:

Căn cứ Điều 30; Điều 32; Điều 143; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 348; Điều 358 của Luật tổ tụng hành chính. Điều 62, Điều 66; Điều 71; Điều 74 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- [1] Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn C, về việc:
- Hủy Quyết định 834/QĐ-UBND ngày 4/5/2022 của UBND thành phố B v/v cưỡng chế thu hồi đất đối với gia đình ông Dương Văn C.
 - Hủy Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 của UBND thành phố B.
 - Hủy Quyết định số 73/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 của UBND thành phố B.
 - Hủy một phần Quyết định số 1426/QĐ-UBND ngày 15/7/2020 của UBND thành phố B. (Hủy phần liên quan đến việc thu hồi đất của hộ ông Dương Văn C).

- Hủy một phần Quyết định số 1427/QĐ-UBND ngày 15/7/2020 của UBND thành phố B. (Hủy phần liên quan đến việc thu hồi đất của hộ ông Dương Văn C).

[2] Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện hành vi hành chính v/v UBND thành phố B thực hiện việc cưỡng chế thu hồi đất với gia đình ông Dương Văn C vào ngày 07/6/2022.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo của các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/9/2023, người khởi kiện là ông Dương Văn C kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 02/2023/HC-ST ngày 11/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Dương Văn C là người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, giữ nguyên nội dung kháng cáo, vắng mặt người bị kiện nên các bên đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Sau khi người khởi kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày kháng cáo, căn cứ kháng cáo, ý kiến tranh tụng đã đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm và có đơn xin vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm: - *Về tố tụng*: Hoạt động tiến hành tố tụng của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội cũng như của Hội đồng xét xử phúc thẩm (viết tắt: HĐXXPT), Thư ký đúng quy định của pháp luật; người tham gia tố tụng đã được thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo của người khởi kiện làm trong hạn luật định là hợp lệ nên đủ điều kiện xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

- *Về nội dung*: Đề nghị HĐXXPT áp dụng khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên quyết định của Bản án số 02/2023/HC-ST ngày 11 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; nghe các bên đương sự trình bày, tranh luận; nghe đại diện VKSND cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ án tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, HĐXXPT nhận định như sau:

[1] Về kháng cáo của người khởi kiện: Ngày 20/9/2023, người khởi kiện nộp đơn kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm, thực hiện trong thời hạn luật định là hợp lệ nên được Tòa án chấp nhận xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về sự có mặt, vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa phúc thẩm có mặt người khởi kiện kháng cáo, có mặt người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện; vắng mặt người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, phiên tòa được mở lần 2 nên HĐXXPT quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo đúng quy định tại Điều 225 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

[3] Về đối tượng khởi kiện, quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết:

UBND thành phố B ban hành các Quyết định 1426/QĐ-UBND ngày 15/7/2020 v/v thu hồi đất đợt 9 để sử dụng vào mục đích xây dựng hạng mục Nâng cấp đường từ T11B phường Đ đi T11 phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn thuộc dự án Chương trình đô thị miền núi phía Bắc, thị xã B giai đoạn II (2017-2020); Quyết định 1427/QĐ-UBND ngày 15/7/2020 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB đợt 9 hạng mục Nâng cấp đường từ T11B phường Đ đi T11 phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn thuộc dự án Chương trình đô thị miền núi phía Bắc, thị xã B giai đoạn II (2017-2020); Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 về việc hủy giá trị bồi thường, hỗ trợ GPMB của ông Dương Văn C đã phê duyệt tại Quyết định 1427/QĐ-UBND ngày 15/6/2020 của UBND thành phố B; Quyết định số 73/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 của UBND thành phố về việc thu hồi đất của ông Dương Văn C tại Quyết định 1426/QĐ-UBND ngày 15/7/2020 của UBND thành phố B; Quyết định 834/QĐ-UBND ngày 4/5/2022 của UBND thành phố B v/v cưỡng chế thu hồi đất đối với gia đình ông Dương Văn C.

Ông Dương Văn C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy các quyết định nêu trên. Các quyết định hành chính bị khởi kiện là quyết định hành chính cá biệt trong lĩnh vực quản lý đất đai là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn theo quy định tại Điều 30, Điều 32 của Luật Tổ tụng hành chính.

[4] Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 15/7/2020, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 1426/QĐ-UBND; Quyết định số 1427/QĐ-UBND; ngày 19/01/2022 UBND thành phố ban hành Quyết định 72/QĐ-UBND; Quyết định số 73/QĐ-UBND và ngày 04/5/2022 Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định số 834/QĐ-UBND. Ngày 06/5/2022, ông Dương Văn C đã có đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn là trong thời hiệu khởi kiện, quy định tại điểm a khoản 2, Điều 116 của Luật tổ tụng hành chính.

[5] Xét kháng cáo của người khởi kiện về các Quyết định bị khởi kiện:

[5.1] Thẩm quyền ban hành:

Quyết định số 1426/QĐ-UBND ngày 15/7/2020; Quyết định số 1427/QĐ-UBND ngày 15/7/2020; Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 19/01/2022; Quyết định số 73/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 của UBND thành phố B và Quyết định số 834/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố B được ban hành là đúng quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai, đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

[5.2] Về trình tự, thủ tục ban hành:

Trên cơ sở các quyết định của UBND tỉnh Bắc Kạn về phê duyệt dự án Chương trình đô thị miền núi phía Bắc- Thị xã B giai đoạn II (2017-2020), ngày 28/12/2012, UBND thành phố B ban hành thông báo thu hồi đất số 146/TB-UBND để thực hiện hạng mục “Nâng cấp đường từ T11B phường Đ đi T11 phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn thuộc dự án Chương trình miền núi phía Bắc, thị xã B (nay là thành phố), giai đoạn II, có gửi giấy mời họp triển khai công tác bồi thường hỗ trợ GPMB kèm theo danh sách các hộ gia đình, cá nhân nằm trong chỉ giới GPMB, trong đó có hộ ông Dương Văn C, đồng thời thực hiện niêm yết công khai thông báo thu hồi đất vào ngày 02/01/2019 tại nhà văn hóa T11B, phường Đ và trụ sở UBND phường Đ, thành phố B. Sau đó, Ban giải phóng mặt bằng họp nhiều lần, thực hiện kiểm đếm tài sản trên đất bị thu hồi, trong đó có hộ ông Dương Văn C.

Ngày 15/7/2020, UBND thành phố ban hành Quyết định số 1426/QĐ-UBND v/v thu hồi đất và Quyết định số 1427/QĐ-UBND v/v phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB.

Ngày 08/6/2021, UBND thành phố B đã ban hành văn bản số 1042/UBND-GPMB về việc trả lời đơn kiến nghị của ông Dương Văn C đối với các nội dung: Kiến nghị điều chỉnh tuyến đường của dự án tránh ra ngoài phạm vi đất của gia đình; Thu hồi hết toàn bộ diện tích đất đang sử dụng; Thu hồi theo chỉ giới thiết kế được duyệt bố trí tái định cư và bồi thường 100% giá trị tài sản cho gia đình theo đơn giá thời điểm hiện tại.

Sau khi Hội đồng giải phóng mặt bằng, Ban bồi thường, các cơ quan chuyên môn tiến hành làm việc, tham mưu cho UBND thành phố B, ngày 19/01/2022, UBND thành phố ban hành Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 về việc hủy giá trị bồi thường, hỗ trợ GPMB của ông Dương Văn C đã phê duyệt tại Quyết định 1427/QĐ-UBND ngày 15/6/2020 của UBND thành phố B và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB đợt 16 hạng mục

Nâng cấp đường từ T11B phường Đ đi T11 phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn thuộc dự án Chương trình đô thị miền núi phía Bắc, thị xã B giai đoạn II (2017-2020). Tại Quyết định này phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB đợt 16 đối với hộ ông C với tổng kinh phí là: 79.518.691^d và ban hành Quyết định số 73/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 của UBND thành phố về việc hủy thu hồi đất của ông Dương Văn C tại Quyết định 1426/QĐ-UBND ngày 15/7/2020 của UBND thành phố và thu hồi đất đợt 16 để sử dụng vào mục đích xây dựng hạng mục Nâng cấp đường từ T11B phường Đ đi T11 phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn thuộc dự án Chương trình đô thị miền núi phía Bắc, thị xã B giai đoạn II (2017-2020), tại Quyết định này thì thu hồi đất đợt 16 của hộ ông Dương Văn C với tổng diện tích thu hồi là 49,1m² đất trồng cây lâu năm (CLN).

Sau khi ban hành Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 và Quyết định số 73/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 thì Ban bồi thường giải phóng mặt bằng đã giao các quyết định trên cho gia đình ông C và thực hiện việc niêm yết công khai theo quy định tại Nhà văn hóa T11B, phường Đ và trụ sở UBND phường Đ ngày 20/01/2022, đồng thời thông báo trực tiếp và gửi giấy mời cho hộ gia đình ông C về kế hoạch chi trả tiền bồi thường GPMB đợt 16 hạng mục Nâng cấp đường từ T11B phường Đ đi T11 phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

Ngày 15/3/2022, Ban bồi thường GPMB thành phố B ban hành văn bản số 28/BBTGPMB gửi Phòng tài nguyên và môi trường thành phố B về việc đề nghị thực hiện cưỡng chế thu hồi đất GPMB hạng mục Nâng cấp đường từ T11B phường Đ đi T11 phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn thuộc dự án Chương trình đô thị miền núi phía Bắc, thị xã B giai đoạn II (2017-2020).

Sau nhiều lần UBND thành phố thực hiện vận động, thuyết phục, thu hồi GPMB nhưng gia đình ông C không nhất trí, nên ngày 04/5/2022 Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định 834/QĐ-UBND v/v cưỡng chế thu hồi đất đối với gia đình ông Dương Văn C.

Ngày 05/5/2022 UBND thành phố tiến hành niêm yết công khai Quyết định cưỡng chế số 834/QĐ-UBND ngày 4/5/2022 tại Nhà văn hóa T11B, phường Đ và trụ sở UBND phường Đ, thành phố B, đồng thời giao trực tiếp quyết định cho ông C, có biên bản giao nhận kèm theo.

Căn cứ theo Điều 71 của Luật đất đai quy định về cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất; Điều 17 Nghị định Số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai về Thông báo thu hồi đất, thành phần Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất, kinh phí cưỡng chế thu hồi đất; giải quyết khiếu kiện phát sinh từ việc cưỡng chế thu hồi đất;

Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất thì việc UBND thành phố B ban hành Quyết định cưỡng chế số 834/QĐ-UBND ngày 4/5/2022 là đúng quy định của pháp luật.

Như vậy, trình tự thủ tục ban hành các Quyết định số 1426, Quyết định số 1427, Quyết định số 72, Quyết định số 73, Quyết định số 834 là đúng theo quy định.

[5.3]. Về nội dung các quyết định bị khởi kiện:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự đều khẳng định thửa đất số 365, tờ bản đồ số 16 (BĐĐC) diện tích 260m² sau khi chuyển nhượng làm thủ tục tách thửa thì thửa đất này là thửa đất số 61, tờ bản đồ số 47, diện tích 260m², địa chỉ thửa đất T11B, phường Đ, thành phố B và chính là thửa đất có diện tích 49,1m² bị thu hồi giải phóng mặt bằng hạng mục nâng cấp, cải tạo đường từ T11B phường Đ đi T11 phường P thuộc dự án Chương trình đô thị miền núi phía Bắc - thị xã B giai đoạn II (2017-2020).

Quyết định 1426/QĐ-UBND ngày 15/7/2020 của UBND thành phố B quyết định thu hồi đất của ông C là 92m² đất CLN. Quyết định số 73/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 điều chỉnh Quyết định số 1426/QĐ-UBND ngày 15/7/2020 của UBND thành phố B, diện tích đất bị thu hồi của ông C là 49,1m².

Năm 2012, gia đình ông Dương Văn C nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 260m², loại đất là đất trồng cây lâu năm. Cùng năm 2012 ông La Dương B đưa GCNQSDĐ cho ông C để ông C thực hiện thủ tục tách thửa đối với phần đất đã chuyển nhượng cho gia đình ông C, thửa đất tách ra mang số thửa 365, tờ bản đồ số 16 (BĐĐC năm 2003) diện tích 260,0m² loại đất trồng cây lâu năm (CLN). Tại thời điểm kiểm tra hồ sơ chuyển nhượng, gia đình ông C đang đào móng xây dựng nhà khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nên Chi nhánh văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố B đo diện tích đã xây dựng và lập biên bản và cho gia đình ông C được chuyển mục đích sử dụng đất với diện tích 80,0m² (đúng với diện tích gia đình ông C đang xây dựng nhà) trên đất trồng cây lâu năm (CLN). Ngày 04/02/2013, Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố B chuyển thông tin địa chính tại Phiếu chuyển thông tin địa chính số 147/PCTT sang Chi cục thuế thị xã B xác định nghĩa vụ tài chính đối với việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và chuyển mục đích sử dụng đất đối với phần diện tích 80,0m² gia đình ông C đang xây dựng nhà. Tuy nhiên, đến năm 2017 gia đình ông C mới thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với phần diện tích nêu trên (bao gồm tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ và thuế thu nhập cá nhân; đơn giá thu theo đơn giá tại thời điểm gia đình ông C nộp). Đến ngày 07/01/2019,

gia đình ông C nộp bản photo biên lai thuế và hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố. Ngày 21/01/2019, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố tiến hành kiểm tra thực địa, đo đạc xác định hiện trạng sử dụng đất thấy rằng gia đình ông C đã xây dựng nhà với diện tích $158,3\text{m}^2$ (có cấp phép xây dựng số 08/GPXD ngày 08/3/2013), tăng $78,3\text{m}^2$ so với diện tích đất gia đình ông C đã thực hiện nghĩa vụ tài chính. Nhận thấy hồ sơ có nhiều vướng mắc do thẩm quyền ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Kạn, nhưng có một phần diện tích nhận chuyển nhượng đã nộp tiền chuyển mục đích sử dụng đất mà thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất là UBND thành phố B, nên ngày 14/02/2019 Chi nhánh đã có Giấy mời số 01/GM-CNVPĐK mời Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bắc Kạn; Phòng Tài nguyên và Môi trường; Chi cục thuế thành phố; UBND phường Đ và ông Dương Văn C tiến hành họp để giải quyết những vướng mắc và thống nhất về trình tự cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Dương Văn C và bà Vi Thị Y. Tại cuộc họp các thành phần đã thống nhất giao Chi nhánh lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận cho ông Dương Văn C diện tích 260m^2 , loại đất nhận chuyển nhượng ban đầu là đất trồng cây lâu năm sau đó gia đình ông C sẽ lập hồ sơ xin chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định. Về nghĩa vụ tài chính thì Cơ quan thuế sẽ thu bổ sung phần diện tích mà gia đình chưa nộp. Tại buổi họp ông C có mặt, nhất trí với phương án giải quyết và ký vào biên bản. Ngày 25/02/2019 ông C có đơn cam kết gửi Chi nhánh tạo điều kiện cho thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất trước. Sau khi được cấp GCNQSDĐ, ông C cam kết sẽ làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây ăn quả sang đất ở tại đô thị theo đúng quy định.

Đến ngày 08/3/2019 ông Dương Văn C và bà Vi Thị Y đã được Sở Tài nguyên & Môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 046605, thửa đất số 61, tờ bản đồ số 47 (BĐĐC 20112), diện tích $260,0\text{m}^2$ đất trồng cây lâu năm.

Do đến ngày 07/01/2019 gia đình ông C mới nộp biên lai thuế và hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, sau thời điểm UBND thành phố thông báo thu hồi đất số 146/TB-UBND ngày 28/12/2018 của UBND thành phố nên việc cấp GCNQSDĐ cho ông C là không phù hợp với quy định tại Khoản 6 Điều 19 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về các trường hợp không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Đến năm 2020, ông Dương Văn C có đơn đề nghị thu hồi GCNQSDĐ với lý do gia đình ông C đề nghị thu hồi GCNQSDĐ số CR 046605 cấp ngày

08/3/2019 vì trong GCNQSDĐ đã cấp không có diện tích đất thổ cư trong khi gia đình ông C đã thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với việc chuyển mục đích sử dụng đất diện tích 80m² đất thổ cư trong tổng diện tích 260m². Ngày 10/3/2020 Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bắc Kạn ban hành Quyết định số 127/QĐ-VPĐKĐĐ đã thu hồi GCNQSDĐ số CR 046605 cấp ngày 08/3/2019 của gia đình ông Dương Văn C.

Như vậy, từ thời điểm ông C nhận chuyển nhượng diện tích đất 260m² của ông B đến nay là đất trồng cây lâu năm. Xác định đến thời điểm này gia đình ông C chưa được cấp GCNQSDĐ đối với mảnh đất số lô 61, tờ bản đồ 47, diện tích 260m² địa chỉ mảnh đất tại T11B, phường Đ, thành phố B vì Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Kạn đã thu hồi đã thu hồi GCNQSDĐ CR 046605 cấp ngày 08/3/2019. Do đó Quyết định số 73/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 của UBND thành phố B thu hồi đất của ông C 49,1m² loại đất trồng cây lâu năm là đúng theo quy định của Luật đất đai.

Năm 2013 ông C nộp hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ diện tích 260m² đất trồng cây lâu năm và đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất với diện tích 80m² là loại đất ở nhưng năm 2017 ông C mới thực hiện nghĩa vụ tài chính và hoàn thiện hồ sơ do còn thiếu thủ tục giấy tờ, năm 2019 được cấp GCNQSDĐ. Như vậy, việc không được cấp giấy CNQSDĐ và chuyển đổi mục đích sử dụng đất diện tích 80m² ngay sau khi nộp hồ sơ năm 2013 một phần lớn là do lỗi của ông C chậm thực hiện nghĩa vụ tài chính. Ngày 03/5/2019, ông C có đơn xin chuyển mục đích sử dụng đất diện tích 158,3m² từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở đối với mảnh đất có địa chỉ tại T11B, phường Đ, thành phố B. Nhưng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B có văn bản số 191/CV-TNMT ngày 24/5/2019 trả hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất cho hộ ông Dương Văn C vì đối chiếu với kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của thành phố B được UBND tỉnh Bắc Kạn phê duyệt tại Quyết định 279/QĐ-UBND ngày 19/02/2019 thì phần đất gia đình xin chuyển mục đích sử dụng đất có một phần nằm trong quy hoạch đất giao thông, nên hồ sơ không đủ điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở tại đô thị theo quy định.

Ông C cho rằng gia đình ông C đã thực hiện nghĩa vụ tài chính theo phiếu chuyển thông tin địa chính số 147/PCTT ngày 04/2/2013 của Chi nhánh văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất và gia đình ông C đã thực hiện nộp nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước nên căn cứ Khoản 3 Điều 11 của Luật đất đai năm 2013 mặc dù gia đình ông C chưa có GCNQSDĐ nhưng đã có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho chuyển mục đích sử dụng đất thì đương nhiên là gia đình ông C đã được công nhận có 80m² đất ở trong tổng diện tích 260m² nhận chuyển nhượng với ông La Dương B nhưng gia đình ông C cung

cấp quyết định của UBND thành phố B cho phép gia đình ông C chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại khoản 3 Điều 11 của Luật đất đai năm 2013. Đại diện UBND thành phố B khẳng định chưa bao giờ ban hành quyết định cho phép gia đình ông C chuyển mục đích sử dụng đất. Toàn bộ diện tích 260m² gia đình ông C nhận chuyển nhượng của ông La Dương B đang là đất trồng cây lâu năm (CLN). Ngày 01/8/2023 và ngày 08/8/2023, Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ xác định ngôi nhà ông C xây dựng trên diện tích 179,7m² lớn hơn diện tích trong phiếu chuyển thông tin địa chính số 147/PCTT cũng như lớn hơn diện tích đất được cấp phép xây dựng, lớn hơn diện tích 80 m² ông C đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đất ở, ông C cho rằng thu hồi đất ở của ông trên 50m² và loại đất bị thu hồi là đất ở là không có cơ sở. Do vậy, ông C yêu cầu hủy Quyết định số 1426/QĐ-UBND ngày 15/7/2020 và Quyết định số 73/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 của UBND thành phố B là không có căn cứ để chấp nhận.

- Đối với Quyết định 1427/QĐ-UBND và Quyết định số 72/QĐ-UBND:

Quyết định 1427/QĐ-UBND ngày 15/7/2020 v/v phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB (Ông C được bồi thường về đất đai 2.760.000đ). Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 điều chỉnh Quyết định số 1427/QĐ-UBND ngày 15/7/2020 của UBND thành phố B, số tiền bồi thường, hỗ trợ GPMB là 77.959.501^d. Trong đó: Bồi thường đất đai 1.473.000^d; Bồi thường tài sản 76.486.501^d.

Tại thời điểm thu hồi đất giá đất theo Quyết định số 369/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của UBND tỉnh Bắc Kạn v/v về việc phê duyệt đơn giá bồi thường giải phóng mặt bằng hạng mục nâng cấp, cải tạo đường từ T11B phường Đ đi T11 phường P thuộc dự án Chương trình đô thị miền núi phía Bắc - thị xã B giai đoạn II (2017-2020) giá đất trồng cây lâu năm là 30.000đ/m². Diện tích đất thu hồi 49,1m² x 30.000 = 1.473.000^d, như vậy Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 xác định số tiền bồi thường là đúng. Do vậy, ông C yêu cầu hủy Quyết định số 1427/QĐ- UBND ngày 15/7/2020 và Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 của UBND thành phố B là không có căn cứ.

- Đối với Quyết định số 834/QĐ-UBND ngày 4/5/2022 của UBND thành phố B v/v cưỡng chế thu hồi đất đối với gia đình ông Dương Văn C:

Sau khi ban hành các quyết định thu hồi đất trên UBND thành phố đã vận động thuyết phục nhưng ông C không chấp hành việc bàn giao đất. Ngày 04/5/2022, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định số 834/QĐ-UBND v/v cưỡng chế thu hồi đất đối với gia đình ông Dương Văn C là đúng quy định tại Điều 69 Luật đất đai năm 2013.

Từ các căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của ông Dương Văn C đề nghị hủy một phần Quyết định số 1426/QĐ-UBND ngày 15/7/2020 của UBND thành phố B v/v thu hồi đất đợt 9 để sử dụng vào mục đích xây dựng hạng mục Nâng cấp đường đi từ T11B phường Đ đi T11 phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn thuộc dự án chương trình đô thị miền núi phía Bắc giao đoạn II (2017-2020); Hủy một phần Quyết định số 1427/QĐ-UBND ngày 15/7/2020 của UBND thành phố B v/v phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB đợt 9 hạng mục Nâng cấp đường từ T11B phường Đ đi T11 phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn thuộc dự án chương trình đô thị miền núi phía Bắc giao đoạn II (2017-2020); Hủy Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 của UBND thành phố B v/v huỷ giá bồi thường, hỗ trợ GPMB của ông Dương Văn C đã phê duyệt tại Quyết định số 1427/QĐ-UBND; Hủy Quyết định số 73/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 của UBND thành phố B v/v huỷ thu hồi đất của ông Dương Văn C tại Quyết định số 1426/QĐ-UBND; Hủy Quyết định 834/QĐ-UBND ngày 04/5/2022 của UBND thành phố B v/v cưỡng chế thu hồi đất đối với gia đình ông Dương Văn C là không có căn cứ để chấp nhận.

- Về yêu cầu bồi thường kết cấu nhà ở do thu hồi đất bị ảnh hưởng, án sơ thẩm đã phân tích rõ và không có căn cứ chấp nhận yêu cầu này là đúng pháp luật.

[6] Về ý kiến của người khởi kiện Dương Văn C cho rằng UBND thành phố ban hành các quyết định nêu nhưng UBND thành phố B chưa niêm yết công khai là không có cơ sở chấp nhận.

[7] Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Dương Văn C khởi kiện hành vi hành chính v/v UBND thành phố B thực hiện việc cưỡng chế thu hồi đất với gia đình ông Dương Văn C vào ngày 07/6/2022. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết ông C đã rút yêu cầu khởi kiện này. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện hành vi hành chính v/v UBND thành phố B thực hiện việc cưỡng chế thu hồi đất với gia đình ông Dương Văn C là có căn cứ, đúng pháp luật.

[8] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn C không được chấp nhận, do vậy ông C phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 5.100.000 đồng là đúng.

[9] Về án phí sơ thẩm: Ông Dương Văn C phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ Tòa án là đúng.

[10] Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý giải quyết vụ án hành chính theo đơn khởi kiện của ông Dương

Văn C là đúng thẩm quyền, đã tiến hành thu thập chứng cứ đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính, không vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, đã xem xét, đánh giá toàn diện các yêu cầu khởi kiện đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, người khởi kiện không có chứng cứ mới làm thay đổi bản chất vụ án nên không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[11] Về án phí phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của ông Dương Văn C không được chấp nhận nên ông C phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông C đã nộp.

[12] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính; Khoản 1 Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Dương Văn C và giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số 02/2023/HC-ST ngày 11 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

2. Về án phí phúc thẩm: Ông Dương Văn C phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hành chính phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000490 ngày 20/7/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 05/3/2024.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND-VKSND-Cục THADS tỉnh Bắc Kạn;
- Các đương sự, (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA, Phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Quang Dũng